TRƯỜNG THCS TÂN HỘ CƠ
TỔ NGỮ VĂN-GDCD

HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN
Trương Thị Kim Hằng

BÀI 4: QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN
(Tản văn, Tùy bút)
12 TIẾT

MỤC TIÊU CHUNG BÀI 4:

1. Kiến thức:

– Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.

– Nhận biết được chủ đề của VB; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

– Nhận biết được sự mạch lạc của VB; nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

– Viết được bài văn biểu cảm về con người, sự việc.

– Tóm tắt được ý chính do người khác trình bày.

2. Về năng lực:

**** Năng lực chung:***

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

**** Năng lực đặc thù:***

– Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn.

– Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

– Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản, nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

3. Về phẩm chất:

– Nhân ái: Biết yêu quý, trân trọng, bảo vệ thiên nhiên.

– Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường, với công việc được giao ở trường, ở lớp.

BÀI 4: QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN
(Tản văn, Tùy bút)
Đọc – hiểu văn bản
CỐM VÒNG

(2 tiết)

-Thạch Lam-

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.
- Nhận biết được chủ đề của văn bản
- Liên hệ, vận dụng.

2. Về năng lực

**** Năng lực chung***

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**** Năng lực đặc thù:*** năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học

3. Về phẩm chất: Yêu quý, trân trọng những nét văn hoá truyền thống của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV
- Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, ... (nếu có thể).
- Giấy A1 hoặc A2 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập GV có thể chuyển một số câu hỏi trong SGK thành phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (8 phút)

a. Mục tiêu:

- HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.
- Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

HS quan sát video, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong video với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem video theo link

https://www.youtube.com/watch?v=R0H14okaXFA

- Video em vừa xem nói về món ăn nào? Em đã được nếm thử món ăn này chưa?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV chiếu video, gợi dẫn học sinh vào bài

HS xem video, trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu 1 vài học sinh trả lời.

- HS trình bày

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt ý, dẫn vào bài: Hà Nội không chỉ là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị đầu não của cả nước mà còn là một vùng đất ngàn năm văn hiến. Nhắc đến vùng đất Hà thành này, người ta nghĩ ngay đến 36 phố phường với những nét đẹp cổ điển và đương nhiên cũng không thể nào quên một món ăn vặt đơn giản nhưng cũng rất nhã nhặn, đó chính là món cốm làng Vòng. Món ăn dân dã này được Thạch Lam đưa vào văn chương hết sức tinh tế, độc đáo trong bài "Cốm Vòng".

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (67 phút)

2.1. Tri thức đọc –hiểu

a. Mục tiêu:

- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nắm được những đặc điểm của tản văn, tùy bùy

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Chia nhóm cặp đôi - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi ? Tản văn là gì? ? Tùy bút là gì? ? Chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ trong tản văn, tùy bút? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.	**1. Tản văn, tùy bút** * ***Tản văn:*** Tản văn là loại văn xuôi ngắn gọn, hia súc có cách thể hiện đa dạng (trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả...), nhưng nhìn chung đều mang tinh chất chấm phủ, bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng đời sống thường nhật, giàu ý nghĩa xã hội.. * ***Tùy bút:*** Tuỳ bút là một thể trong ki, dùng để ghi chép, miêu tả những hình ảnh, sự việc mà người viết quan sát, chứng kiến; đồng thời chú trọng thể hiện cảm

- HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. **B4: Kết luận, nhận định** HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). GV: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau.	xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của đời sống. -*Chất trữ tình* trong tản văn, tuỳ bút là yếu tố được tạo từ vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ, vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật để tạo nên rung động thẩm mĩ cho người đọc. -*Cái tôi* trong tuỳ bút, tản văn là yếu tố thể hiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản Thông thường, có thể nhận biết cái tôi ấy qua các từ nhân xưng ngôi thứ nhất -*Ngôn ngữ* tản văn, tuỳ bút thưởng tinh tế, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình

2.2. Đọc- hiểu văn bản

I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN	
a. Mục tiêu: - Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác. - Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân - Học sinh nắm được những nét khái quát về tác giả, tác phẩm **b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh **d. Tổ chức thực hiện:**	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
1. Tác giả **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - Chia nhóm cặp đôi - Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Vũ Bằng **B2: Thực hiện nhiệm vụ**	**1. Tác giả**

- HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. **B4: Kết luận, nhận định** **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). **GV**: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau **2. Tác phẩm** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** a. Đọc - Hướng dẫn đọc nhanh. + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát. - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ). + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy. + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán. - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn. b. Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi còn lại: ? Văn bản được trích dẫn từ tác phẩm nào của nhà văn Vũ Bằng? Em biết gì về tác phẩm đó? ? Văn bản thuộc thể loại gì? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **GV:** 1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt. 2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần). **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc. 2. Trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của giáo viên. **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần). **HS:** - Trả lời các câu hỏi của GV. - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).	 - Vũ Bằng (1913 –1984) sinh tại Hà Nội. - Sở trường của ông là viết truyện ngắn, tùy bút, bút ký - Ông có nhiều bài viết hay thể hiện những cảm xúc sâu lắng về quê hương, đất nước. - Các tác phẩm tiêu biểu của ông: *Miếng ngon Hà Nội, Miếng lạ miền Nam, Thương nhớ mười hai* v.v,... **2. Tác phẩm** **a. Đọc** **b. Xuất xứ** - *Cốm Vòng* được trích từ tập *Miếng ngon Hà Nội* (xuất bản đầu năm 1960). - Vài nét về tác phẩm *Miếng ngon Hà Nội*: là một tác phẩm bút ký tập trung giới thiệu mười lăm món ăn

B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi. - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.	đặc sản của Hà Nội cũng như cảm nhận, tâm tình và kỷ niệm của tác giả với Hà Nội thông qua các món ăn. **c. Thể loại:** tùy bút

II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

1. Tình cảm, cảm xúc của tác giả

a. Mục tiêu:

- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nhận ra tình cảm, cảm xúc của tác giả trong văn bản

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Tìm những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát hai đoạn văn: **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	- Từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả là: (ăn miếng cốm) cho ra miếng cốm; thanh lịch, cao quý; tiếc từng hạt rơi, hạt vãi; ăn từng chút một; nhón từng chút một chứ không được phũ phàng; nhai nhỏ nhẹ; ngẫm nghĩ tính chất thơm, tính chất ngọt của cốm phiêu phiêu như khí trời trong sạch; ăn một miếng cốm vào miệng là nuốt hương thơm của cánh đồng quê của cha ông ta vào lòng, dịu dàng biết chừng nào mà cảm khái nhường bao => Từ đó, ta thấy tình cảm, cảm xúc của tác giả là: tình cảm yêu quý, trân trọng, trìu mến, nâng niu từng hạt cốm

2. Chất trữ tình trong văn bản

a. Mục tiêu:

- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.

- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nhận ra chất trữ tình trong văn bản

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Tìm những chi tiết thể hiện sự hòa quyện tình cảm, cảm xúc của tác giả với vẻ đẹp của thiên nhiên, tạo vật trong văn bản và nêu tác dụng của chúng **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát hai đoạn văn: **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	- *Mầu sắc tương phản mà lại tôn lẫn nhau lên; đến cái vị của hai thức đó, tưởng là xung khắc mà ai ngờ lại cũng thắm đượm với nhau! Một thứ thì giản dị mà thanh khiết, một thứ thì chói lọi mà vương giả; nhưng đến lúc ăn vào thì vị ngọt lừ của hồng nâng mùi thơm của cốm lên, [...] như trai gái xứng đôi, như trai gái vừa đôi... mà những mảnh lá chuối tước tơi để đệm hồng chính là những sợi tơ hồng quấn quýt,...* → Phương thức biểu đạt chủ yếu là miêu tả và biểu cảm, hài hoà giữa việc thể hiện vẻ đẹp tự nhiên và cảm xúc chân thực của con người. - Cảm xúc của tác giả về cảnh các cô gái làng Vòng gánh cốm đi bán: *Có ai, một buổi sáng mùa thu, ngồi nhìn ra đường phố, thấy những cô gái làng Vòng gánh cốm đi bán mà không nghe thấy lòng rộn rã yêu đương?* *Đó là những cô gái mộc mạc ưa nhìn "đầu trùm nón lá" vắt vẻo đi từ tinh mơ lên phố để bán cốm cho khách Hà Nội có tiếng là sành ăn.* - Cảm xúc của tác giả khi miêu tả thành phẩm cốm: *Người ta lấy mạ giã ra, hoà với nước, làm thành một thứ phẩm xanh màu lá cây rồi hồ cốm cho thật đều tay: cốm đương mộc mạc, nổi hẳn màu lên và duyên dáng như cô*

	gái dậy thì bỗng tự nhiên đẹp trội lên trong một buổi sáng mùa xuân tươi tốt. → Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả bộc lộ trực tiếp, sinh động, như hoà quyện với hương vị thơm mát thanh khiết của tự nhiên, với nét đẹp mộc mạc mà nên thơ của đất trời, tạo cho người đọc ấn tượng khó quên.

3. Cái tôi của tác giả

a. Mục tiêu:

- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nhận ra được cái tôi của tác giả, rút ra được chủ đề văn bản

b. Nội dung:

GV đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Cách nhìn của Vũ Bằng về "cốm" có gì đặc biệt? - Em có nhận xét gì cách xưng gọi của tác giả? - Từ đó, em cảm nhận như thế nào về tâm hồn tác giả? Rút ra chủ đề văn bản. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát hai đoạn văn: - "Đã có lúc…có còn gì là cốm" - "Hỡi anh đi đường cái…nhường nào"? **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	- Cách nhìn mới mẻ của Vũ Bằng: + Ông nhìn "cốm" không chỉ như một thức quà quen thuộc, mà còn như một món quà thiên nhiên hun đúc, trao tặng cho con người, và đến lượt con người lại dùng công sức và trí tuệ của mình để tạo nên. + Ông đã chỉ ra được mối liên hệ của cốm với tự nhiên, với văn hoá và địa lí. + Cách nghĩ của nhà văn cũng rất đặc biệt, khi ông nói đến cách con người đối xử với thức quà cũng chính là cách con người đối xử với văn hoá, đồng thời thể hiện lối sống - Cách xưng gọi "hỡi anh", "ta" được sử dụng một cách tự nhiên, thân tình, và không kém phần trang trọng, tinh tế: → Tác giả có tâm hồn phong phú, sâu sắc, tinh tế → Chủ đề văn bản: Tình cảm yêu quý, trân trọng của tác giả đối với cốm và đối với văn hoá của dân tộc cũng như cách sống đẹp, giàu văn hoá của người Hà Nội.

III. TỔNG KẾT	
a. Mục tiêu: - Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác. - Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân - Khái quát lại kiến thức **b. Nội dung:** - GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản… - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm. **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh **d. Tổ chức thực hiện:**	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: ? Em hãy chỉ ra những nét nghệ thuật đặc sắc được sử dụng trong văn bản? ? Qua văn bản, em cảm nhận được gì về tâm hồn tác giả? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **B3: Báo cáo, thảo luận** HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. **B4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm	**1. Nghệ thuật** - Ngôn ngữ giàu cảm xúc - Lối viết hấp dẫn, thú vị - Cách triển khai ý kiến, lí lẽ mạch lạc, rõ ràng **2. Nội dung** Qua văn bản, ta thấy tâm hồn của nhà thơ Vũ Bằng là một tâm hồn tinh tế, bay bổng, thiết tha, ông có một tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước sâu sắc, sự trân trọng và nâng niu món ăn dân dã, bình dị của người dân Việt Nam

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm học tập:

– Cốm Vòng thể hiện tình cảm yêu quý, say mê, trân trọng của tác giả đối với vẻ đẹp của cốm, của văn hoá ẩm thực. Những tình cảm đó được bộc lộ gián tiếp qua cách miêu tả cốm, đồng thời bộc lộ trực tiếp bằng những từ cảm thán.
– Cái tôi của người viết tuỳ bút hiện ra rõ nét qua tình cảm, thái độ, suy nghĩ của tác giả.
– Ngôn ngữ VB giản dị, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên giao bài tập cho HS: Em hãy chỉ ra một số đặc điểm của tùy bút thể hiện qua văn bản bằng cách thực hiện phiếu học tập sau:

Đặc điểm của tuỳ bút	**Thể hiện trong VB *Cốm Vòng***
Chất trữ tình	.....
Cái tôi của người viết	.....
Ngôn ngữ	.....

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV phát phiếu học tập

HS thảo luận nhóm đôi và trả lời

B3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi một vài nhóm trình bày câu trả lời, các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét thái độ làm việc, sản phẩm của các nhóm và chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG (5 phút)

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

? Viết một đoạn văn nêu cảm nhận của em về món cốm?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản và vận dụng những trải nghiệm của cá nhân

HS đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

✳ **<u>Dặn dò</u>**: (5 phút)

- Đối với bài học tiết này:

+ Nắm được thông tin về tác giả Vũ Bằng, tác phẩm.

+ Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản: Cảm xúc của nhân vật trữ tình; chất trữ tình trong văn bản; cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản; nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Đối với bài học tiết sau:

+ Chuẩn bị tiết "Thực hành tiếng Việt ": Nắm được thông tin về tác giả Vũ Bằng, tác phẩm.

+ Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản: Cảm xúc của nhân vật trữ tình; chất trữ tình trong văn bản; cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản; nội dung và nghệ thuật của văn bản.

<u>Tài liệu tham khảo dành cho học sinh:</u>

✳ **RÚT KINH NGHIỆM BÀI DẠY:**

……
……
……
……

BÀI 4: QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN
(Tản văn, tùy bút)
Đọc – hiểu văn bản (2)
MÙA THU VỀ TRÙNG KHÁNH NGHE HẠT DẺ HÁT
– Y Phương –

(2 tiết)

Hạt dẻ Trùng Khánh (Báo Công an nhân dân điện tử)

I. MỤC TIÊU:
1. *Kiến thức:*

– Chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tản văn.

– Chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

– Sự mạch lạc của văn bản, nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

2. Về năng lực:

**** Năng lực chung:***

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

**** Năng lực đặc thù:***

– Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn.

– Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

– Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản, nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

2. Về phẩm chất:

– Nhân ái: Yêu quý trân trọng và bảo vệ thiên nhiên.

– Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường, với công việc được giao ở trường, ở lớp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.
- Tranh ảnh về nhà văn Y Phương và văn bản "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát".
- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 PHÚT)

a. Mục tiêu: HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong hình ảnh với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học.

c. Sản phẩm học tập: Cảm nhận của học sinh (chia sẻ trải nghiệm của mình về sản vật đặc trưng cho một vùng đất) và lời chuyển dẫn của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Quan sát hình ảnh, em hãy chia sẻ trải nghiệm của mình về sản vật đặc trưng cho một vùng đất?

Hạt dẻ Trùng Khánh (Báo Khoa học và phát triển)

Dừa sáp Trà Vinh (Thịnh Karim)

B2: Thực hiện nhiệm vụ:
HS quan sát hình ảnh để trả lời câu hỏi của giáo viên.
GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh.
B3: Báo cáo, thảo luận:
GV chỉ định HS trả lời câu hỏi.
HS trả lời câu hỏi của GV.
B4: Kết luận, nhận định (GV):
- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.
- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

Các em thân mến! Đất nước Việt Nam tươi đẹp, trù phú với những bờ biển dài, những dòng sông rộng, đất đai màu mỡ, cây cối tươi tốt cho quả quanh năm. Vì lẽ đó, có thể nói: mỗi một vùng đất, một miền quê đều có những sản vật đặc trưng của riêng mình nào dừa, nào mít, nào vải, nào hạt dẻ… và hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu những cảm nhận rất độc đáo của tác giả Y Phương về một trong những sản vật ấy qua bài: "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát".

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (60 phút)

2.1 Tri thức đọc – hiểu	
a. **Mục tiêu**: Học sinh hiểu chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tản văn. b. **Nội dung**: **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi. **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm. c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh **d. Tổ chức thực hiện:**	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết. ? Em hãy nêu đặc điểm của tản văn?	**1. Khái niệm tản văn:** Tản văn là thể loại văn học chú trọng việc ghi lại những gì đã trải qua, đã nghe thấy, cảm thấy, thể nghiệm liên tưởng của cái tôi hoặc ghi lại những câu

? Em hiểu thế nào là chất trữ tình trong tản văn? ? Em hiểu thế nào là cái tôi của tác giả trong tản văn? ? Em hiểu thế nào là ngôn ngữ vùng miền? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. **B4: Kết luận, nhận định** **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). **GV**: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau.	chuyện, những trạng thái cảnh vật hoặc trữ tình hoài niệm; là loại tác phẩm văn học giàu tính trữ tình, rộng rãi về đề tài, tinh túy về nội dung, khuôn khổ tương đối nhỏ, ngôn ngữ tự nhiên mới mẻ, thủ pháp biểu hiện linh hoạt, văn phong sáng sủa. **2. Chất trữ trình trong tản văn:** Tản văn trữ tình là tản văn lấy sự bộc lộ tư tưởng, tình cảm của tác giả làm chủ đạo, điều căn bản của nó là bộc lộ tình cảm. Trữ tình ở đây đã chỉ ra nội dung chủ yếu của nó là tình cảm, đồng thời cũng chỉ ra thủ pháp biểu hiện chủ yếu của nó là trữ tình. "Tình" trong tản văn trữ tình chiếm vị trí vô cùng quan trọng. **3. Cái tôi của tác giả trong tản văn:** Cái tôi tác giả là khả năng xử lí thông tin, khả năng nắm bắt những thông tin, chi tiết hay, đặc sắc. Cái tôi tác giả ở đây là cách tiếp cận vấn đề, cách chọn vấn đề thể hiện tác phẩm. **4. Ngôn ngữ các vùng miền** - Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam, vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng. Tính đa dạng tiếng Việt thể hiện ở mặt ngữ âm và từ vựng:

	+ Về ngữ âm: một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau. + Về từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có từ ngữ mang tính địa phương.

2.2 Đọc – hiểu văn bản (…')

I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG (…')

a. Mục tiêu:

– Chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tản văn.

– Chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

– Sự mạch lạc của văn bản, nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung.

HS dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết. **Tác giả Y Phương** **Tên thật** **Năm sinh, năm mất, quê quán** **Đặc điểm nổi bật trong các tác phẩm của ông** **Tác phẩm tiêu biểu** – **Thơ:** / **Tản văn:** Phiếu học tập số 1 **B2: Thực hiện nhiệm vụ**	**1. Tác giả** – Y Phương tên thật là Hứa Vĩnh Sước (24 tháng 12 năm 1948 - ngày 9 tháng 2 năm 2022), quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.
- HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.

B4: Kết luận, nhận định

HS: Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

GV:

- Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.
- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau

2. <u>Tác phẩm</u>

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

a. Đọc

- Hướng dẫn đọc nhanh.

+ Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.

+ Thể hiện rõ giọng điệu và ngôi thứ nhất (lời của nhân vật tôi).

- Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).

+ Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.

+ Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.

- Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.

b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:

Tìm hiểu chung về "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát".	
Vị trí địa lí Trùng Khánh	
Thể loại	
Sản vật	
Ngôi kể	
Bố cục:	Phần 1:
	Phần 2:
	Phần 3:

Phiếu học tập số 2

– Các tác phẩm của Y Phương thể hiện vẻ đẹp chân thật, trong sáng và mạnh mẽ; cách biểu đạt giàu hình ảnh theo cách nhìn, cách nghĩ của người miền núi. Văn xuôi Y Phương giàu hình ảnh và chất thơ.

– Tác phẩm tiêu biểu: tập thơ: Người Núi Hoa (1982), Tiếng hát tháng Giêng (1986), Lửa hồng một góc (1987), Lời chúc (1991), Đàn Then (1996), Thơ Y Phương (2002)…và các tập tản văn: Tháng Giêng – tháng Giêng một còng dao quắm (2009), Kungfu người Co Xàu (2011).

2. Tác phẩm:

a) Đọc và tóm tắt

- Đọc
- Tóm tắt

b) Tìm hiểu chung:

Thác Bản Giốc (Trùng Khánh)

? Trùng Khánh là một địa danh thuộc tỉnh nào ở nước ta? ? Văn bản "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát" viết về sản vật gì? ? Văn bản thuộc thể loại gì? ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **GV:** 1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt. 2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần). **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc. 2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà. **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần). **HS:** - Trả lời các câu hỏi của GV. - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi. - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.	- **Trùng Khánh**: Huyện Trùng Khánh nằm ở phía đông bắc tỉnh Cao Bằng, cách thành phố Cao Bằng 58 km về phía tây nam, cách Cửa khẩu Trà Lĩnh khoảng 28 km về phía tây bắc và cách Thành phố Hà Nội 307 km về phía tây nam. - **Thể loại**: Tản văn. - **Sản vật**: Hạt dẻ. - **Ngôi kể**: Ngôi thứ nhất. - **Bố cục**: 3 phần + Phần 1: Từ đầu đến "cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân": Giới thiệu về vị ngon và giá trị của hạt dẻ truyền thống. + Phần 2: Tiếp theo đến: "trên đầu mẹ có cả một rừng hạt dẻ đang độ ngọt bùi": ca ngợi vẻ đẹp và giá trị văn hóa, du lịch của rừng dẻ. + Phần 3: phần còn lại: ý nghĩa của mối tương giao giữa con người và tự nhiên.

Sản phẩm tổng hợp:

Tìm hiểu chung về "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát".	
Vị trí địa lí Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh nằm ở phía đông bắc tỉnh Cao Bằng, cách thành phố Cao Bằng 58 km về phía tây nam, cách Cửa khẩu Trà Lĩnh khoảng 28 km về phía tây bắc và cách Thành phố Hà Nội 307 km về phía tây nam.
Thể loại	Tản văn.
Sản vật	Hạt dẻ.
Ngôi kể	Ngôi thứ nhất.
Bố cục:	Phần 1: (từ đầu đến "...cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân") Giới thiệu về vị ngon và giá trị của hạt dẻ truyền thống.

	Phần 2: (tiếp theo đến "...trên đầu mẹ có cả một rừng dẻ đang độ ngọt bùi..."): Ca ngợi vẻ đẹp và giá trị văn hóa, du lịch của rừng dẻ.
	Phần 3: Ý nghĩa của mối tương giao giữa con người và tự nhiên.

II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB (…')

1. Nhan đề của văn bản

a. **Mục tiêu:** Giúp HS hiểu được nhan đề và ý nghĩa nhan đề của văn bản

b. Nội dung:

GV sử dụng KT tia chớp kết hợp với KT đặt câu hỏi để tìm hiểu về nhan đề của văn bản

HS suy nghĩ và làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Nhan đề của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **HS** đọc nhan đề văn bản và suy nghĩ cá nhân **GV** hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được). ? Mùa thu ở Cao Bằng có điểm gì đặc biệt? ? Từ "Về" gợi lên tình cảm gì? ? "Nghe hạt dẻ hát" gợi lên hình ảnh và cảm xúc gì? **B3: Báo cáo thảo luận** **GV** yêu cầu một vài HS trình bày cảm nhận của mình về nhan đề văn bản. **HS** trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS - Chốt nội dung (sản phẩm). - Chuyển dẫn sang nội dung sau.	"Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát". => - *Mùa thu* -> Mùa có thời tiết đẹp, mùa hạt dẻ chín. - *Về*: trở về, tình cảm thân thương. - *Nghe hạt dẻ hát*: nghệ thuật nhân hóa, hạt dẻ là sản vật là niềm hạnh phúc, tự hào của người dân Trùng Khánh → Gợi tả về lòng tự hào về quê hương với sản vật đặc trưng quý giá.

2. Tình cảm, cảm xúc của tác giả

a. **Mục tiêu:**

- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nhận ra tình cảm, cảm xúc của tác giả trong văn bản

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Tìm những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát hai đoạn văn: **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	Những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả về hạt dẻ, rừng dẻ quê hương: - Trên khắp đất nước ta, không đâu có giống mác lịch ngon ngọt và thơm bùi như ở Trùng Khánh. - Cái đó thì ...vưỡn. - Cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân. - Hạt dẻ rơi rơi như mưa màu nâu. Đó là bản nhạc mùa thu ở quê tôi không thể nào quên. - Đó là điểm du lịch mang màu sắc, hương vị của tình yêu. - Thật là tuyệt vời, khi được lang thang trong một khu rừng dẻ cực kì lãng mạn. - Rừng dẻ khe khẽ hát như rang bởi đây đang là mùa lá đỏ. - Nắng chiều quê tôi sánh vàng như mật bủa lấy rừng vàng. -> sự say mê, tự hào của tác giả đối với hạt dẻ, rừng dẻ.

3. Chất trữ tình trong văn bản

a. Mục tiêu:

- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nhận ra chất trữ tình trong văn bản

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Em hình dung thế nào về cảnh được tả trong đoạn văn này? Đoạn văn gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát ba đoạn văn: + Phần 1: Từ đầu đến "cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân": Giới thiệu về vị ngon và giá trị của hạt dẻ truyền thống. + Phần 2: Tiếp theo đến: "trên đầu mẹ có cả một rừng hạt dẻ đang độ ngọt bùi": ca ngợi vẻ đẹp và giá trị văn hóa, du lịch của rừng dẻ. + Phần 3: phần còn lại: ý nghĩa của mối tương giao giữa con người và tự nhiên. **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	- Không khí đầy sự yên bình, tĩnh mịch cùng với tiếng dẻ lao xao, rì rào tạo nên khung cảnh thiên nhiên đẹp và đầy thú vị. Qua đoạn văn em có thể hình dung được, cảnh được tả ở đây chính là nói về sự trù phú của hạt dẻ Trùng Khánh. - Đoạn văn cho em thấy cuộc sống của con người như được hòa quyện với thiên nhiên đất trời. Đó là một cuộc sống không toan tính, yên ả cùng thiên nhiên đẹp đến nao lòng, vừa tôn được nét đẹp lao động của con người, vừa khoe khéo léo cảnh đẹp nơi đây.

4. Cái tôi của tác giả

a. Mục tiêu:

- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nhận ra được cái tôi của tác giả, rút ra được chủ đề văn bản

b. Nội dung:

GV đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ:	Tác giả kể về đặc sản hạt dẻ Trùng Khánh quê hương mình với lòng vui sướng, đầy tự hào đã cho thấy cái tôi

- Đọc văn bản Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát, em cảm nhận được điều gì về cái tôi của tác giả Y Phương? Rút ra chủ đề văn bản. Dựa vào đâu để em xác định như vậy? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát ba đoạn văn. **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	của tác giả - nhận thức và đánh giá được sự khác biệt giữa hạt dẻ Trùng Khánh khác so với các loại khác. Đó là một cái tôi tinh tế, độc đáo, mới lạ chứa đựng sự nhạy cảm với sự rung động về cảnh vật thiên nhiên. → Chủ đề văn bản: Tình cảm say mê, tự hào của tác giả đối với hạt dẻ, rừng dẻ và niềm mong muốn được giao hoà với thiên nhiên. - Dựa vào nhan đề của bài và những cảm xúc, suy nghĩ của tác giả mà em xác định được như vậy.

III. TỔNG KẾT

a. Mục tiêu:

- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Khái quát lại kiến thức

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…
- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: ? Em hãy chỉ ra những nét nghệ thuật đặc sắc được sử dụng trong văn bản? ? Qua văn bản, em cảm nhận được gì về tâm hồn tác giả? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.	**1. Nghệ thuật** – Miêu tả chi tiết màu sắc, hình dáng, mùi vị của hạt dẻ, âm thanh, màu sắc của rừng dẻ, qua cách nói khẳng định: "Giống hạt dẻ Trùng Khánh là số một La Mã chứ không chịu nhì". – Cái tôi của người viết tuỳ bút hiện ra rõ nét qua tình cảm, thái độ, suy nghĩ của tác giả.

GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **B3: Báo cáo, thảo luận** HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. **B4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm	– Ngôn ngữ văn bản: Sử dụng khẩu ngữ, từ láy, văn phong gợi hình, gợi cảm,… **2. Nội dung** Qua văn bản, ta thấy tâm hồn của tác giả Y Phương là một tâm hồn tinh tế, độc đáo, mới lạ chứa đựng sự nhạy cảm với sự rung động về cảnh vật thiên nhiên, ông có một tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước sâu sắc, sự trân trọng và nâng niu sản vật quê mình.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10 PHÚT)

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm học tập: Đặc điểm của tản văn được thể hiện trong văn bản: tác giả bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả thông qua các từ ngữ mà tác giả sử dụng. Tác giả thể hiện rõ cái tôi của mình khi nói về hạt dẻ Trùng Khánh và con người quê hương ông.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

? Em hãy chỉ ra một số đặc điểm của tản văn được thể hiện trong văn bản trên?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Chiếu bài tập

HS: Đọc yêu cầu của bài và thực hiện bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS nêu bài làm của mình.
- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (10 PHÚT)

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa). Sau khi đọc văn bản Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát của tác giả Y Phương em thấy được niềm tự hào của mỗi con người khi giới thiệu về đặc sản của quê hương mình. Qua đó, ta cũng thấy được nét văn hóa độc đáo, phong phú về ẩm thực.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Viết một đoạn văn nêu cảm nhận của em khi đọc văn bản "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát"?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản (đặc biệt là những chi tiết kể/tả về hạt dẻ: màu sắc, mùi vị, sản phẩm từ hạt dẻ, hạt dẻ gắn bó với người dân địa phương…)

HS đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

* **Dặn dò**: (5 phút)

- Đối với bài học này:

+ Đọc kĩ văn bản "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát".

+ Học bài về: tản văn; tìm hiểu những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả về hạt dẻ, rừng dẻ quê hương; tìm hiểu về cái tôi của tác giả được thể hiện trong bài; chủ đề của văn bản.

- Đối với bài học sau: Đọc và trả lời câu hỏi phần suy ngẫm và phản hồi bài "Thu sang' (Đỗ Trọng Khơi)

****

BÀI 4: QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN

(Tản văn, Tùy bút)

Đọc – kết nối chủ điểm

THU SANG

-Đỗ Trọng Khơi-

(1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

– Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

- Nhận biết được chủ đề của văn bản

- Liên hệ, vận dụng.

2. Về năng lực

**** Năng lực chung***

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**** Năng lực đặc thù:*** năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học

3. Về phẩm chất: Cảm nhận và yêu mến vẻ đẹp của thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV
- Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, ... (nếu có thể).
- Giấy A1 hoặc A2 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập GV có thể chuyển một số câu hỏi trong SGK thành phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 phút)

a. Mục tiêu:

- HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu từ phần khởi động.
- Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học.

b. Nội dung:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.
HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem hình ảnh về mùa thu

Những hình ảnh các em vừa xem thể hiện mùa nào trong năm? Em thích nhất mùa này ở điểm nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV chiếu hình ảnh, gợi dẫn học sinh vào bài

HS xem video, trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu 1 vài học sinh trả lời.
- HS trình bày

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt ý, dẫn vào bài: Cũng như mùa xuân, mùa thu luôn là đề tài gợi nhiều cảm xúc cho các thi nhân. Mỗi người lại có cách nhìn cách miêu tả rất riêng, mang đậm dấu ấn cá nhân của mình. Có nhà thơ, mùa thu là dáng liễu buồn, là màu áo mờ phai, là tiếng đạp lá vàng cuả con nai ngơ ngác. Đỗ Trọng Khơi cũng góp vào tuyển tập thơ mủa thu của dân tộc một mùa thu riêng của mình với "Thu Sang"

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30 phút)

I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN

a. Mục tiêu:

- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân
- Học sinh nắm được những nét khái quát về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
1. Tác giả **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - Chia nhóm cặp đôi - Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Đỗ Trọng Khơi **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận, trao đổi và thống nhất ý kiến. **B3: Báo cáo, thảo luận** - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm. - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. **B4: Kết luận, nhận định** **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần). **GV**: - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau **2. Tác phẩm** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** a. Đọc - Hướng dẫn đọc nhanh. + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát. + Đọc diễn cảm - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn. b. Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi còn lại: ? Văn bản được trích từ đâu?	**1. Tác giả** - Đỗ Trọng Khơi (1960) tên thật là Đỗ Xuân Khơi - Quê quán: làng Trần Xá, xã Văn Cẩm, huyện Hưng Hà (Thái Bình) Đỗ Trọng Khơi bắt đầu sáng tác truyện, thơ, ca khúc từ cuối những năm 1980 và được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam năm 2001. - Ông đã có hàng chục tác phẩm thơ văn viết về hình tượng người chiến sĩ và các thể tài khác đăng trên các ấn phẩm của

? Văn bản thuộc thể loại gì? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** **GV:** 1. Hướng dẫn HS cách đọc 2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần). **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc. 2. Trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của giáo viên. **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần). **HS:** - Trả lời các câu hỏi của GV. - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi. - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.	Bác Quân đội nhân dân, Tạp chí Văn nghệ Quân đội - Các tác phẩm tiêu biểu: Con chim thiêng vẫn bay (năm 1992), Gọi làng (năm 1999), Cầm thu (năm 2002), ABC (năm 2009), Với tay ngắt bóng (năm 2010)… và tập truyện ngắn Ma ngôn (năm 2001), Hành trạng tâm linh (năm 2011); tập bình thơ (năm 2007)… - Ông đạt nhiều giải thưởng văn học có giá trị. **2. Tác phẩm** **a. Đọc** **b. Xuất xứ** In trong Tuyển tập thơ Việt Nam 1975-2000 **c. Thể loại:** thơ lục bát

II. ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

1. Bức tranh thiên nhiên lúc "thu sang"

a. Mục tiêu:

- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân.
- Học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên lúc "thu sang".

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ.

HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Âm thanh, màu sắc trong bài thơ được miêu tả qua những từ ngữ nào?	Những âm thanh, màu sắc được miêu tả trong bài thơ:

- Cảm nhận của em về những âm thanh, màu sắc đó. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn học sinh quan sát hai đoạn văn: **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **B4: Kết luận, nhận định** - Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	+ Màu sắc: rực rỡ, đầy sức sống: "Vàng như tự nắng tự mưa"; "Tự lòng đất, tự trời xưa nhuộm về"; "Xanh lên đã kiệt sức hè", "Trăng vàng rong chơi". + Âm thanh: sống động, vui tười: "Tiếng chim đầy khoảng ngày xanh sang mùa", "Hồn ve lìa ngàn". →Bức tranh thu sang có sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc và âm thanh của bức tranh thiên nhiên. Ta có thể thấy được rõ nét vẻ đẹp của mùa thu với sự sinh động, có hồn và tràn ngập sức sống.

2. Tình cảm của tác giả dành cho thiên nhiên

a. Mục tiêu:

- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân.
- Học sinh cảm nhận được tình cảm của tác giả dành cho thiên nhiên.

b. Nội dung:

GV giao nhiệm vụ.

HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho thiên nhiên và cách thể hiện tình cảm ấy trong bài thơ. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ. GV hướng dẫn học sinh quan sát hai đoạn văn: **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **B4: Kết luận, nhận định**	+ "Tiếng chim đầy khoảng ngày xanh sang mùa", + "Nắng nồng theo lối hồn ve lìa ngàn" + "Heo may ngậm mảnh trăng vàng rong chơi", v.v. → Qua các từ ngữ và hình ảnh kiệt sức hè, rộn lá thu sang, ngậm mảnh trăng vàng, rong chơi,… tác giả thể hiện sự giao cảm với thiên nhiên, nhìn thiên nhiên như một chủ thể. Tình cảm của tác giả được thể hiện gián tiếp qua cách miêu tả thiên nhiên.

- Nhận xét câu trả lời của HS. - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.	

III. TỔNG KẾT

a. **Mục tiêu**:
- Hình thành cho học sinh năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Phát triển kĩ năng tự chủ, tự học của bản thân.
- Khái quát lại kiến thức.

b. Nội dung:
- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản…
- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện**:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm theo bàn. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: ? Em hãy chỉ ra những nét nghệ thuật đặc sắc được sử dụng trong văn bản? ? Nội dung chính của bài thơ? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **B3: Báo cáo, thảo luận** HS báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần). GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. **B4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Nhận xét và chốt sản phẩm.	**1. Nghệ thuật** - Ngôn ngữ giàu tính biểu cảm. - Hình ảnh thơ đầy màu sắc, tượng thanh phong phú. **2. Nội dung** Bằng việc miêu tả những chuyển biến của thiên nhiên lúc thu sang, tác giả mang đến cho người đọc hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp, sống động đồng thời thể hiện tình cảm yêu thương, trân trọng đối với sự hiện hữu của thiên nhiên quanh mình.

3. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.
c) Sản phẩm học tập: tranh vẽ của học sinh.
d) Tổ chức thực hiện
B1: Chuyển giao nhiệm vụ:
Giáo viên giao bài tập cho HS: Vẽ một bức tranh với chủ đề "Quà tặng của thiên nhiên".
B2: Thực hiện nhiệm vụ
HS suy nghĩ làm việc cá nhân.
B3: Báo cáo, thảo luận
HS báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS nhận xét.
GV hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.
B4: Kết luận, nhận định
GV nhận xét thái độ làm việc, sản phẩm của các nhóm.
4. HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG (5 phút)
a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.
b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).
d) **Tổ chức thực hiện**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ
? Viết một đoạn văn nêu cảm nhận của em sau khi học xong bài thơ.
B2: Thực hiện nhiệm vụ
GV gợi ý cho HS bằng việc bám vào văn bản và vận dụng những trải nghiệm của cá nhân.
HS đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.
B3: Báo cáo, thảo luận
GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm
HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.
B4: Kết luận, nhận định (GV)
- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

✳ **Dặn dò**: (5 phút)

- Đối với bài học tiết này:
  + Nắm được thông tin về tác giả Đỗ Trọng Khơi, tác phẩm.
  + Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản: Bức tranh thiên nhiên lúc "thu sang"; tình cảm của tác giả dành cho thiên nhiên; nội dung và nghệ thuật của văn bản.
- Đối với bài học tiết sau:
  + Chuẩn bị tiết "Thực hành tiếng Việt ": tìm hiểu từ ngữ địa phương, đặc điểm tính mạch lạc của văn bản.

Tài liệu tham khảo dành cho học sinh:

✳ **RÚT KINH NGHIỆM BÀI DẠY:**

……
……
……
……

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:

MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN.
NGÔN NGỮ CỦA CÁC VÙNG MIỀN
(Thời gian 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

– Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản.

– Nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

2. Năng lực:

**** Năng lực chung:***

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

– Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

**** Năng lực đặc thù:***

– Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản, nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

3. Phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu, SGK, SGV và các tài liệu tham khảo.
- Phiếu học tập.
- Bảng kiểm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 phút)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng khởi cho HS.
- HS xác định được mục tiêu của bài học.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn" thời gian 3 phút., GV đặt câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Ý kiến phản hồi của HS dưới sự dẫn dắt của GV

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Sắp xếp các cụm từ sau theo trình tự phù hợp:

(1) nhảy lên lưng ngựa,

(2) người gác rừng đóng chắc yên ngựa,

(3) rồi lao vào bóng chiều

?Nêu yêu cầu cần đạt của bài học.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS sắp xếp các câu theo trình tự. GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:-Trình bày kết quả làm việc.

- Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS. HS nêu lại yêu cầu cần đạt của tiết học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25 phút)

I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT	
1. Sự mạch lạc của văn bản	
a. **Mục tiêu:** Nhận biết được chủ đề xuyên suốt các đoạn, trình tự sắp xếp các đoạn trong văn bản 1, từ đó nhận biết tính mạch lạc của văn bản. b. **Nội dung:** Gv nêu yêu cầu, HS thảo luận trả lời c. **Sản phẩm học tập:** Ý kiến cá nhân Hs dưới sự nhận xét của hs khác và GV. **d. Tổ chức thực hiện**	
Hoạt động của thầy và trò	**Dự kiến sản phẩm**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV đặt câu hỏi: a. Chủ đề xuyên suốt các đoạn, các câu trong văn bản là gì? b. Trình tự sắp xếp các đoạn, các câu trong văn bản có giúp chủ đề được liền mạch, thông suốt hay không? Tại sao? ? Mạch lạc trong văn bản là gì? - Giao nhiệm vụ: HS thực hiện các yêu cầu của GV. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần **B3: Báo cáo, thảo luận** **GV**:- Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).	a. Chủ đề xuyên suốt các đoạn, các câu trong VB *Cốm Vòng* là: – Giới thiệu về cốm, một thức quà ngon và tinh tế. – Ca ngợi vẻ đẹp, vị ngon, hương thơm và giá trị của cốm. b. Trình tự sắp xếp trong VB *Cốm Vòng* có thể chia thành 3 phần (mỗi phần gồm có nhiều đoạn) như sau: Phần 1: Từ "Tôi đố ai tìm được" đến "sản xuất được cốm quý", giới thiệu về đặc sản cốm Vòng và truyền thống làm cốm của người làng Vòng.

HS:-Trình bày kết quả làm việc. - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS. - Chốt kiến thức lên màn hình. - Chuyển dẫn sang câu hỏi b.	Phần 2: Từ "Dù sao, ta cũng nên biết rằng" đến "tinh khiết và thơm tho lạ lùng", mô tả nguyên liệu và các công đoạn chế biến công phu để ra được sản phẩm cốm Vòng. Phần 3: Từ "Đã có lúc ngồi nhìn người hàng cốm xẻ từng mẻ cốm" đến "cảm khái nhường bao!", nêu lên những suy tư, cảm nhận của tác giả về cốm, từ đó nhấn mạnh sự trân trọng, nâng niu cốm chính là trân trọng nâng niu công sức của đất trời, của con người. Đây là một trình tự hợp lí của các ý, thể hiện qua trình tự hợp lí của câu, của đoạn. => Mạch lạc trong văn bản là các câu, các ý, các phần, các đoạn trong văn bản đều phải hướng về một sự thống nhất, một ý hay một chủ đề nào đó. Hay nói một cách đơn giản thì mạch lạc là sợi dây vô hình gắn kết các phần, các ý, các đoạn trong văn bản.

2. Cách xây dựng tính mạch lạc trong văn bản

a. Mục tiêu: Hình thành tư duy về tính mạch lạc trong văn bản.

b. Nội dung:

Bài tập 2 SGK trang 86

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của các nhóm, ý kiến cá nhân.

d.Tổ chức thực hiện

Hoạt động của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu mỗi HS đánh số các đoạn, rồi thay đổi theo một trật tự khác, nhưng phải giải thích được lí do thay đổi. **B2. Thực hiện nhiêm vụ:** HS chia sẻ trong nhóm để trao đổi, thảo luận. **B3. Báo cáo thảo luận:**	Chú trọng tính mạch lạc của văn bản qua mạch chảy chính: Cốm là đặc sản của làng Vòng, xuất phát từ hạt non của "thóc nếp hoa vàng", nhờ công khéo và kinh nghiệm của người làng Vòng, trải qua nhiều công đoạn cuối cùng đã trở thành món ăn tinh khiết, thơm tho, trang nhã. Thưởng thức cốm cũng chính là thưởng thức văn hoá ẩm thực nước nhà, thể hiện vẻ đẹp thanh nhã

- GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. (Một vài HS trình bày kết quả bằng cách viết lên bảng.) **B4. Kết luận, nhận định:** - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	tinh tế trong lối sống của con người. Vũ Bằng đã triển khai vấn đề từ nhỏ đến lớn, từ cụ thể đến khái quát. VB cũng có thể được sắp xếp lại, đi từ khái quát đến cụ thể, mạch logic vẫn được đảm bảo, nhưng mạch cảm xúc sẽ không được mượt mà hấp dẫn như cách sắp xếp ban đầu.

3. Từ ngữ địa phương:

a. Mục tiêu: Giúp HS: Nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền.

b. Nội dung: HS chia sẻ về ngôn ngữ các vùng miền mà các em biết.

c. Sản phẩm học tập: Ý kiến cá nhân dưới sự nhận xét của HS khác và sự hướng dẫn của GV.

d.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: HS chia sẻ về ngôn ngữ các vùng miền mà các em biết, từ đó nhắc lại kiến thức về ngôn ngữ các vùng miền đã học: ? Em hãy nêu một số từ ngữ địa phương mà em biết? ? Từ đó, hãy rút ra đặc điểm của từ ngữ địa phương? ? Xác định các từ ngữ địa phương theo bảng sau **B2. Thực hiện nhiêm vụ:** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập. GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần) **B3. Báo cáo thảo luận:** - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. **B4. Kết luận, nhận định:** - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	

Từ ngữ	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam
ba má			
đìa			
thức quà			
chè xanh			
răng rứa			
mô tê			

Từ ngữ	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam
Ba má			X
Đìa			X
Thức quà	X		
Chè xanh	X		
Răng rứa		X	
Mô tê		X	

=> Từ ngữ địa phương là những từ ngữ chỉ được dùng trong phạm vi một hoặc một số địa phương nhất định.

3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (5 phút)

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT	
a. Mục tiêu: Giúp HS: - Củng cố, vận dụng lí thuyết tiếng việt vào việc nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc đảm bảo tính mạch lac trong văn bản. **b. Nội dung:** Bài tập 3 **c. Sản phẩm học tập:** Cá nhân, sản phẩm nhóm trên phiếu học tập. **d. Tổ chức thực hiện**	
Hoạt động của thầy và trò	**Dự kiến sản phẩm**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Văn bản Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát đề cập đến nhiều nội dung như: hạt dẻ, cốm hạt dẻ, rừng cây mùa thu, du lịch Trùng Khánh, con người ở quê sống lâu và hiền hòa,..Như vậy có phải là văn bản thiếu mạch lạc không? Vì sao? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** Hs thực hiện nhiệm vụ học tập: thảo luận theo cặp đôi, sau đó chia sẻ kết quả thảo luận trên lớp. GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần) **B3: Báo cáo, thảo luận** **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	**Bài tập 3:** Văn bản *Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát* đề cập đến rất nhiều vấn đề như: miêu tả hạt dẻ, cốm hạt dẻ, rừng cây mùa thu, du lịch Trùng Khánh, con người ở quê sống lâu và hiền hoà,... nhưng đều xoay quanh một vấn đề trung tâm là hạt dẻ và rừng dẻ Trùng Khánh, món quà mà thiên nhiên ban tặng vào mùa thu, có nhiều công dụng và lợi ích đối với cuộc sống của con người. Vì thế, VB đảm bảo tính mạch lạc.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)

VIẾT NGẮN	
a. Mục tiêu: HS sáng tạo, tích hợpvận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc học đọc với việc học Tiếng Việt của bài học vào việc viết đoạn văn ngắn. **b. Nội dung:** Đoạn văn ngắn (từ 7 đến 10 câu) về loài cây em yêu. **c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của HS. **d. Tổ chức thực hiện**	
Hoạt động của thầy và trò	**Dự kiến sản phẩm**
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 7 đến 10 câu) về loài cây em yêu. **B2. Thực hiện nhiêm vụ:** HS về nhà hoàn thành đoạn văn theo các yêu cầu trên. **B3. Báo cáo thảo luận:**	*Đoạn văn biểu cảm trực tiếp kết hợp biểu cảm gián tiếp:* Ở sân trường em có rất nhiều loại cây như là bàng, keo, xà cừ, nhưng em thích nhất là cây phượng vĩ. Nhìn từ đằng xa, cây

Hs trình bày kết quả bài làm ở tiết viết. **B4: Kết luận, nhận định:** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	phượng giống như một cái ô khổng lồ. Thân cây sần sùi và nâu sẫm, ba đứa trẻ ôm không hết. Những cái rễ to đùng trồi trên mặt đất như những con trăn khổng lồ bò trên mặt đất. Những tán lá dang tay đón chào những chú chim đến hót cho bọn em nghe.

✳ **Dặn dò**: (5 phút)

- Đối với bài học tiết này:

+ Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản.

+ Nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

- Đối với bài học tiết sau:

+ Chuẩn bị tiết "Mùa phơi sân trước": Nắm được thông tin về tác giả Nguyễn Ngọc Tư, tác phẩm.

+ Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản: Cảm xúc của nhân vật trữ tình; chất trữ tình trong văn bản; cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản; nội dung và nghệ thuật của văn bản.

Tài liệu tham khảo dành cho học sinh:

✳ **RÚT KINH NGHIỆM BÀI DẠY:**

……
……
……
……

ĐỌC MỞ RỘNG:
MÙA PHƠI SÂN TRƯỚC
(Nguyễn Ngọc Tư)
(1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn, nhận biết được chủ đề của văn bản, đồng thời biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Mùa phơi sân trước*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Mùa phơi sân trước* ;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu thương gia đình, quê hương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1 KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV cho HS nghe một đoạn bài hát.

c. Sản phẩm học tập: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV* cho HS nghe một đoạn bài hát Về quê của Phó Đức Phương.
- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và cảm nhận.*
- *GV dẫn dắt vào bài học mới:* Theo lời ca, chúng ta cùng nhà văn guyễn Ngọc Tư trở về quê với những kỉ niệm tuổi thơ thật đẹp và dạt dào cảm xúc qua văn bản Mùa phơi sân trước.

2. HOẠT ĐỘNG 2 HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25 phút)

Hoạt động 1: Đọc văn bản (8 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời các câu hỏi: + Em hãy nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm của VB; + Nêu phương thức biểu đạt và mạch cảm xúc của VB. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả hoạt động và thảo luận** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. (GV giới thiệu thêm: - Đề tài sáng tác: các tác phẩm chỉ là những câu chuyện đời thường của những người nông dân bình dị, quê mùa nhưng lôi cuốn bởi cái nhìn đầy chân thật và nhân hậu - Phong cách: ngôn ngữ đậm chất Nam Bộ, không hề cao sang trau chuốt mà bình dị gần gũi với cuộc sống đời thường. - Vài nét về tác phẩm Bánh trái mùa xưa: Nguyễn Ngọc Tư trải lòng trong cái góc nhỏ miền Tây đã nuôi dưỡng tâm hồn chị. Góc nhỏ ấy có tấm lưng ông ngoại, có căn nhà chất đầy những món đồ hoài cổ, có mái hiên của bà cụ hiền như bà nội, có những chiếc bánh thảo thơm đồng bãi,… Cứ thế miền Tây hiện ra gần gũi tưởng như có thể chạm tới để cảm nhận cách sống, con người phóng khoáng nơi sông nước chứa chan tình cảm. Bánh Trái Mùa Xưa rất	**I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** **1. Tác giả** - Tên: Nguyễn Ngọc Tư; - Năm sinh: sinh năm 1976; - Quê quán: xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, trong một gia đình nông dân; - Nguyễn Ngọc Tư chuyên viết truyện ngắn, tiểu thuyết, viết tùy bút và làm thơ. Tác phẩm của nhà văn mang tính hiện thực sâu sắc vì đã phản ánh được chân dung đích thực với tâm tư, nguyện vọng và tình cảm của lớp người lao động nghèo khó ở Đồng bằng sông Cửu Long, bằng một phong cách nghệ thuật tiêu biểu cho lối viết chơn chất mà cô đọng của những người cầm bút ở phương Nam.. **2. Tác phẩm** - Các tác phẩm chính: Cánh đồng bất tận (tập truyện ngắn, 2005 - được dịch ra tiếng: Anh, Hàn, Thuỵ Điển), Gáy người thì lạnh (tản văn, 2012), Bánh trái mùa xưa (2012), Sông (tiểu thuyết, 2012), Chấm (thơ, 2013), Đào (tập truyện ngắn, 2014), Trầm tích (tập truyễn ngắn, 2014) - VB *Mùa phơi sân trước* được trích trong *Bánh trái mùa xưa*, NXB Văn học, Hà Nội, 2015 **3. Đọc, mạch cảm xúc** **- Thể loại: tản văn** - Phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, **biểu cảm**; - Mạch cảm xúc: + Mở đầu văn bản là là khung cảnh thiên nhiên quanh con đường quê. + Khung cảnh thiên nhiên của Mùa Chạp. + Khung cảnh giàn phơi, ép chuối, ...

buồn. Buồn vì những gì đã mất đi không bao giờ còn có thể lấy lại. Buồn vì cuộc sống hiện đại chà mòn những vẻ đẹp đơn sơ thấm đẫm tình người. Buồn vì giá trị vật chất đang lấy đi những hoài niệm.)	+ Khung cảnh nhớ lại những món ăn ngon.

Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi (17 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của VB.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS: + Tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình khi nhớ lại những kỉ niệm mùa phơi sân trước được thể hiện qua những chi tiết nào? + Từ những chi tiết đó giúp ta biết được tình cảm gì của tác giả? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	**II. Suy ngẫm và phản hồi** **1. Cảm xúc của nhân vật trữ tình** + Hồi con nít thích đi xe đạp về nhà ngoại: Chuối phơi đủ nắng có thể ăn tới ra Giêng, mật lặn vào trong vừa ăn vừa tợp miếng trà, hoặc ngào qua với khóm, me, … đem dầm nước đá uống cũng ngon thấu trời; + Vậy là nước miếng mình ứa ra, trên từng mét đường về nhà ngoại. + Tâm hồn mệt nhoài với những món ăn cực kì mời gọi trong sân thiên hạ. + Cái hủ mắm tép dầm nắng sát hàng rào làm mình nhớ nhung chuối chát, khế chua cùng với gừng xắt mịn thì mâm mứt tắc đỏ au đằng kia làm mình lịm chết một cách lim dim như tụi kiến. + Nắng gió khiến mọi niềm vui, nỗi buồn bày ra như một cuộc diễu hành, không che giấu khách qua đường. + Bỗng nghe nhẹ nhõm khi nhìn theo bóng nhỏ đưa chiếc đò về bên kia sống. + Cũng may qua mỗi Chạp,...mình bỗng bâng quơ nhớ. + Nhận ra trên giàn cũng phơi những thân phận người. + Mình bỗng nghe nhẹ nhõm khi nhìn theo bóng nhỏ đưa chiếc đò về bên kia sông.

NV2: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV lần lượt đặt câu hỏi và yêu cầu HS trả lời: + Chất trữ tình là gì? + Tìm chi tiết thể hiện tính trữ tình trong văn bản? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. – Toàn bộ tác phẩm được kể theo dòng hồi tưởng của nhân vật tôi với những tình cảm, cảm xúc, tâm trạng khác nhau. – Khung cảnh thiên nhiên và cảnh vật trong kỷ niệm về mùa phơi sân trước: + Mở đầu văn bản là là khung cảnh thiên nhiên quanh con đường quê. + Khung cảnh thiên nhiên của Mùa Chạp. + Khung cảnh giàn phơi, ép chuối,…. + Khung cảnh nhớ lại những món ăn ngon.	*➔ Nhớ nhung, thèm thuồng những món ăn mang hương vị quê nhà, thương những mảnh đời nghèo khó* *=> Tình yêu quê hương sâu nặng* **2. Chất trữ tình trong văn bản** - Nỗi nhớ của mình về "mùa phơi sân trước" - Sử dụng các từ ngữ miêu tả đã khiến cho quang cảnh thiên nhiên, các sự vật, sự việc trở nên gần gũi và thân thuộc hơn.
– Con người được đặt trong mối quan hệ bình dị, thân thương, đẹp đẽ. – Ngôn từ giàu cảm xúc, giàu tính tạo hình kết hợp cùng giọng điệu tâm tình, thủ thỉ **NV3:**	**3. Cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản** - Cái tôi có góc nhìn bao quát về những điều xảy ra trong thời tuổi thơ của mình. ➔ bộc lộ được những tình cảm, cảm xúc của mình

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lần lượt đặt câu hỏi và yêu cầu HS trả lời: + Cái tôi là gì? + Cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản? + Từ đó xác định chủ đề của văn bản? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. + Từ ngữ xưng hô: “mình, người ta + Sự việc mà tác giả quan sát: quết bánh phồng tôm, làm kiệu, phơi chuối,… Cái "tôi" của tác giả đã thể hiện trong văn bản đó là về cái tôi có góc nhìn bao quát về những điều xảy ra trong thời tuổi thơ của mình. → bộc lộ được những tình cảm, cảm xúc của mình đối với quê nghèo và thân phận con người qua các cách xây dựng, cách miêu tả thiên nhiên đầy trữ tình, lắng đọng.	- Chủ đề của văn bản: những kỉ niệm tuổi thơ ùa về về "mùa phơi sân trước".

III. TỔNG KẾT

Hoạt động 3: Củng cố lại giá trị văn bản

a. Mục tiêu: Khắc sâu về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

NV4: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV lần lượt đặt câu hỏi và yêu cầu HS trả lời: + Khái quát giá trị của văn bản? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	**III. TỔNG KẾT** **1. Nghệ thuật** - Câu chữ đơn giản mà lại đẹp lạ thường - Cái tôi tinh tế, nhạy cảm và giàu tình yêu thương, trân trọng những kỉ niệm đẹp đẽ thời ấu thơ của mình **2. Nội dung** Văn bản là một văn bản văn xuôi ngắn gọn, mang tính trữ tình, tự sự, miêu tả sâu sắc về những kỉ niệm đẹp đẽ của tác giả trước mùa phơi sân trước. Qua văn bản, tác giả bộc lộ trực tiếp tình cảm yêu mến, suy nghĩ vấn vương về những kỉ niệm nơi đây.

3. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP: (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

Xác định chủ đề của văn bản và cho biết dựa vào đâu em xác định như vậy.

- GV hướng dẫn:

- Chủ đề của văn bản: những kỉ niệm tuổi thơ ùa về về "mùa phơi sân trước".
- Dựa vào nội dung trong văn bản miêu tả những hình ảnh, sự việc quen thuộc đối với tác giả, đồng thời cũng thể hiện cảm xúc, tình cảm của ông trước những kỉ niệm gắn bó với tuổi thơ nên em xác định được.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG: (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS:

Chỉ ra những đặc điểm của tản văn được thể hiện trong văn bản?

- GV hướng dẫn:

Những đặc điểm của tản văn thể hiện trong văn bản:

+ Trong bài sử dụng miêu tả những hình ảnh, sự việc quen thuộc đối với tác giả, đồng thời cũng thể hiện cảm xúc, tình cảm của ông trước những kỉ niệm gắn bó với tuổi thơ.
+ Tác giả đã thể hiện cái tôi.
+ Ngôn từ trong bài mang hơi thở đời sống và đầy chất chữ tình.
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

✳ **Dặn dò**: (5 phút)

- Đối với bài học tiết này:

+ Nắm được thông tin về tác giả Nguyễn Ngọc Tư, tác phẩm.

+ Các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản: Cảm xúc của nhân vật trữ tình; chất trữ tình trong văn bản; cái tôi của tác giả được thể hiện qua văn bản; nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Đối với bài học tiết sau:

+ Chuẩn bị tiết "Viết bài văn bản biểu cảm về con người, sự vật.": Nắm các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người, sự việc; cách viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc.

+ Sưu tầm một bài bài phát biểu cảm nghĩ về con người, sự việc và thực hành tóm tắt.

Tài liệu tham khảo dành cho học sinh:

✳ **RÚT KINH NGHIỆM BÀI DẠY:**

……
……
……
……

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI, SỰ VIỆC

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Viết được bài văn biểu cảm về con người, sự việc.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực đặc thù:
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV
- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Các phương tiện kỹ thuật;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1 KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:
- *GV yêu cầu HS:* Điền vào phiếu KWL
- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, báo cáo kết quả hoạt động.*
- *GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu bài học viết bài văn biểu cảm.*

2. HOẠT ĐỘNG 2 HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (55 phút)

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người, sự việc (10 phút)

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người, sự việc

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Theo em, một bài văn biểu cảm về con người, sự việc cần đáp ứng những yêu cầu gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	**1. Yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người, sự việc** - Tình cảm trong bài văn phải chân thực trong sáng;

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc; - Kết hợp với miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc; **1. Văn biểu cảm** là loại văn được viết ra nhằm mục đích thể hiện những tình cảm, cảm xúc cũng như cách nhìn nhận, đánh giá, quan điểm của con người đối với thế giới xung quanh, trước những đối tượng gây cảm xúc hay những vấn đề đặt ra trong cuộc sống. **2. Bố cục bài viết bao gồm 3 phần**: + MB: Giới thiệu đối tượng biểu cảm, biểu đạt cảm xúc chung về đối tượng; + TB: biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ cụ thể một cách sâu sắc về đối tượng. (*Đối với bài văn biểu cảm về con người, người viết cần biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm, tính cách, kỉ niệm gắn với người đó. Đối với bài văn biểu cảm về sự việc, người viết có thể biểu lộ cảm xúc theo trình tự diễn tiến của sự việc*) + KB: khẳng định lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo (20 phút)

a. Mục tiêu: Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn trình bày cảm xúc đối với sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời các câu hỏi: + Bài viết này có bố cục như thế nào? Nêu nội dung từng phần?	**2. Phân tích bài viết tham khảo:** - Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn biểu cảm về con người, sự việc: + Giới thiệu và biểu lộ cảm xúc của con người về đối tượng: lễ đón giao thừa;

+ Bài văn trên được viết để bộc lộ cảm xúc về điều gì? + Tìm trong đoạn mở bài câu giới thiệu sự việc, câu văn thể hiện cảm xúc của người viết đối với sự việc. + Ở phần thân bài, người viết đã biểu lộ cảm xúc như thế nào về sự việc? Để làm rõ những cảm xúc ấy, người viết đã sử dụng những yếu tố hỗ trợ nào? + Ở đoạn kết bài, người viết đã trình bày nội dung ra sao? + Từ bài viết trên, em rút ra được những lưu ý gì về cách viết bài văn biểu cảm về sự việc? **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện nhiệm vụ** - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	Trong đoạn mở bài: - Câu giới thiệu sự việc: Thời gian làm xóa nhòa nhiều thứ, nhưng không sao xóa đi mảnh kí ức đặc biệt trong tôi, về một lần cách đây nhiều năm trước, tôi đã đón cái Tết ở Cần Thơ - mảnh đất cha tôi sinh ra, cũng là nới gieo cho tôi bao nhớ thương. - Câu văn thể hiện cảm xúc của người viết đối với sự việc: + Thành phố phồn hoa biết mất, thế mà tôi lại nặng tình tha thiết với quê hương. + Lời ca như cơn gió ngang qua đưa tâm trí tôi mơn man trở về tháng ngày của cõi nhớ. - Ở phần thân bài, người viết đã biểu lộ cảm xúc xúc động bồi hồi khi nhớ về những kí ức, lòng đầy xao xuyến, ấm áp khi được sum vầy, đoàn tụ với gia đình và lắng lại khi đến giây phút giao thừa. - Để làm rõ những cảm xúc ấy, người viết đã sử dụng thêm yếu tố miêu tả và tự sự để hỗ trợ. Ở đoạn kết bài, người viết đã trình bày nội dung về cảm xúc, nỗi nhớ của bản thân khi không thể về quê ăn Tết bằng cách sử dụng lặp từ "nhớ" để nói về nỗi nhớ da diết của mình và dùng câu cảm thán ở cuối đoạn. Từ bài viết trên, em rút ra được những lưu ý về cách viết bài văn biểu cảm về sự việc như sau: - Giới thiệu được cảm xúc của mình khi viết về một sự việc. - Biểu lộ được tình cảm vào trong bài, kết hợp với các yếu tố miêu tả, tự sử để lí giải cảm xúc đó. - Khẳng định được tình cảm, cảm xúc về sự việc đó. - Rút ra điều đáng nhớ nhất đối với bản thân.

Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước (25 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Sản phẩm dự kiến</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV nêu yêu cầu:
+ Viết bài văn trình bày cảm xúc đối với sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?
- GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.
- Hướng dẫn HS tìm ý.
- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lựa chọn sự việc ấn tượng nhất, tìm ý cho đoạn văn theo Phiếu học tập sau:
<table>
<tr><td>Những kỉ niệm nào khiến em ấn tượng sâu sắc nhất?</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Kỉ niệm đó diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Khung cảnh diễn ra sự việc có gì đạc biệt?</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Trong cảnh, con người có những hoạt động gì?</td><td>…….</td></tr>
<tr><td>Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?</td><td>…….</td></tr>
</table>
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ.
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
- HS báo cáo kết quả;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
</td><td>
3. Các bước tiến hành
Trước khi viết
- Lựa chọn đề tài;
- Tìm ý;
- Lập dàn ý.
Viết bài
Chỉnh sửa
</td></tr>
</table>

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	

3. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP: (10 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết đoạn văn, giám sát các ý đã lập;
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Khi viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc, làm thế nào để thể hiệntình cảm của người viết một cách chân thực, thuyết phục? **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện nhiệm vụ** - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.	Để thể hiện tình cảm một cách chân thực, thuyết phục bài văn biểu cảm về con người, sự việc, cần: – Xác định đúng cảm xúc về đối tượng. – Tình cảm được thể hiện phải chân thực, trong sáng. – Kết hợp được miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc. – Trình bày các ý một cách rõ ràng, mạch lạc.

4. HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG: (15 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết đoạn văn, giám sát các ý đã lập;
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến

<table>
<tr>
<td>

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Vẽ sơ đồ dàn ý cho đề bài sau:

Hãy viết một bài văn biểu cảm (độ dài khoảng 400 từ) về một người bạnhoặc về một kỉ niệm sâu sắc của em.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi;
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng.

</td>
<td>

<table>
<tr><td>MỞ BÀI</td><td>- Giới thiệu cảm xúc của người viết về đối tượng (sự việc): ……
- Cảm xúc đó được biểu hiện như thế nào/ gắn với sự việc, sự kiện gì:. . . . . .</td></tr>
<tr><td>THÂN BÀI</td><td>– Cảm xúc về đối tượng, sự việc: ……</td></tr>
<tr><td>KẾT BÀI</td><td>– Khẳng định lại cảm xúc: ……
– Rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân: ...……</td></tr>
</table>

</td>
</tr>
</table>

✳ **<u>Dặn dò</u>**: (5 phút)

- Đối với bài học tiết này:

+ Nắm lại các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người, sự việc.
+ Nắm lại cách viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc.
+ Sưu tầm một bài bài phát biểu cảm nghĩ về con người, sự việc và thực hành tóm tắt.

- Đối với bài học tiết sau:

Chuẩn bị tiết "Tóm tắt ý chính do người khác trình bày": Ôn tập các bước tóm tắt ý chính do người khác trình bày; các nhóm chuẩn bị bài bài văn biểu cảm về con người, sự việc; bài phát biểu cảm nghĩ của học sinh đã được trình bày trong buổi Khai giảng năm học; thực hành tóm tắt ý chính bài văn biểu cảm đã chuẩn bị.

✳ **<u>Tài liệu tham khảo dành cho học sinh:</u>**

- Các bài phát biểu cảm nghĩ về con người, sự việc. (Nguồn internet hoặc sách "Bài văn mẫu lớp 7").

✳ **RÚT KINH NGHIỆM BÀI DẠY:**

……
……
……
……

NÓI VÀ NGHE:

TÓM TẮT NỘI DUNG TRÌNH BÀY CỦA NGƯỜI KHÁC
(2 tiết)

I. MỤC TIÊU:
1. Kiến thức:
– Tóm tắt ý chính do người khác trình bày.

2. Về năng lực:
a. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe bài phát biểu cảm nghĩ của người khác và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các bài phát biểu cảm nghĩ của bạn.
- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

b. Năng lực đặc thù:

- Biết ghi lại các ý cốt lõi, nội dung cơ bản, tóm lược các ý dưới dạng cụm từ.
- Biết cách tóm tắt nội dung trình bày của người khác hoặc tài liệu.

2. Về phẩm chất:
- Chăm chỉ: ghi chép lại những nội dung của cuộc trao đổi.
- Trách nhiệm: biết lắng nghe, đánh giá, trân trọng ý kiến người khác, trình bày, chia sẻ suy nghĩ của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
- SGK, SGV, máy tính; video.
- Bảng kiểm kĩ năng tóm tắt ý chính bài văn biểu cảm do người khác trình bày.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:
1. HOẠT ĐỘNG 1 KHỞI ĐỘNG: (5 phút)
a. Mục tiêu:

– Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

– Kích hoạt được những hiểu biết nền liên quan đến kĩ năng tóm tắt nội dung trình bày của người khác.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Em đã từng tóm tắt lại nội dung một cuộc nói chuyện, một cuộc họp hoặc một bài văn nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta sẽ thực hành nói và nghe về chủ đề ***Tóm tắt nội dung trình bày của người khác***.

2. HOẠT ĐỘNG 2 HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. (50 phút)

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói. (10 phút)

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung:

- GV đưa ra tình huống để yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ tóm tắt, nhắc lại vai trò của người nói và người nghe để thực hiện một bài tóm tắt.

- HS trả lời câu hỏi, chuẩn bị nội dung nói và luyện nói trước ở nhà.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe; - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói; - GV hướng dẫn HS luyện nói (luyện tóm tắt) theo cặp, nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói; - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** - HS báo cáo kết quả hoạt động; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Ghi lên bảng.	**1. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành:** **Tình huống:** Em hãy vận dụng kĩ năng tóm tắt ý chính do người khác trình bày (về đoạn văn) để tóm tắt được ý chính bài văn biểu cảm do bạn mình trình bày. **Trong vai trò người nói:** Trình bày bài văn biểu cảm về con người, sự việc. **Trong vai trò người nghe:** ***Bước 1: Lắng nghe và ghi tóm tắt.*** - Lắng nghe nội dung trình bày: cần nghe hết câu, hết ý để hiểu rõ điều người trình bày muốn nói. - Ghi chép tóm tắt nội dung trình bày: + Căn cứ trên thực tế ý kiến của người phát biểu để ghi tóm tắt. + Tóm lược các ý chính dưới dạng từ, cụm từ. - Dùng các kí hiệu như các số thứ tự, gạch đầu dòng,... để thể hiện tính hệ thống của các ý kiến. ***Bước 2: Đọc lại và chỉnh sửa.*** - Đọc lại phần ghi tóm tắt và chỉnh sửa các sai sót (nếu có). - Xác định với người nói về nội dung em vừa tóm tắt. Trao đổi lại những ý kiến em chưa hiểu rõ hoặc có quan điểm khác.

Hoạt động 2: Thực hành (30 phút)

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói, tóm tắt.

b. Nội dung: HS theo dõi bài phát biểu cảm nghĩ của bạn, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Sản phẩm dự kiến</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)
- Trình chiếu phiếu đánh giá tóm tắt theo các tiêu chí.
- Yêu cầu HS tóm tắt nội dung mà các bạn trong nhóm 1 đã trình bày.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
GV hướng dẫn HS tóm tắt theo phiếu tiêu chí.
HS xem lại phần tóm tắt đã đúng với yêu cầu hay chưa.
Bước 3: Thảo luận, báo cáo GV
- Yêu cầu HS trình bày phần tóm tắt trước lớp.
HS: Đại diện trình bày, các em còn lại theo dõi và lắng nghe, nhận xét theo phiếu đánh giá tiêu chí.
Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).
- Nhận xét chung về ý thức tham gia hoạt động tóm tắt của HS.
- Hoàn thành bảng: Tiêu chí đánh giá bài tóm tắt nội dung trình bày của người khác.
- GV dùng Bảng kiểm đánh giá thái độ, hành vi của học sinh khi làm việc nhóm.
- GV dùng Bảng kiểm đánh giá thái độ, hành vi của học sinh nghe tóm tắt.
</td><td>
Sản phẩm
- HS trình bày phần tóm tắt trước lớp.
- Yêu cầu tóm tắt:
+ Ngắn gọn, khoa học, rõ ràng.
+ Nội dung bám sát ý kiến trình bày của nhóm 1.
+ Tóm lược được các ý chính dưới dạng từ, cụm từ, kí hiệu, hình vẽ….
+ Nói to, rõ ràng, mạch lạc.
+ Giọng điệu, nhịp điệu, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp.
- Hoàn thành bảng: Tiêu chí đánh giá bài tóm tắt nội dung trình bày của người khác.
<table>
<tr><td>MỞ BÀI</td><td>- Giới thiệu cảm xúc của người viết về đối tượng (sự việc): ……
- Cảm xúc đó được biểu hiện như thế nào/ gắn với sự việc, sự kiện gì:. . . . . .</td></tr>
<tr><td>THÂN BÀI</td><td>– Cảm xúc về đối tượng, sự việc: ……</td></tr>
<tr><td>KẾT BÀI</td><td>– Khẳng định lại cảm xúc: ……
– Rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân: ...……</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

Hoạt động 3: Thảo luận nhóm (10 phút)

a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày, phần tóm tắt.

b. Nội dung: HS theo dõi bài phát biểu cảm nghĩ của bạn, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến

<table>
<tr>
<td>

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

1. Trình chiếu phiếu đánh giá hoạt động tóm tắt theo các tiêu chí.
2. Yêu cầu HS đánh giá bài tóm tắt của bạn theo tiêu chí.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá hoạt động tóm tắt của bạn theo phiếu tiêu chí.

HS quan sát hoạt động tóm tắt của bạn và ghi nhận xét ra giấy.

Bước 3: Thảo luận, báo cáo.

GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.

HS nhận xét, đánh giá hoạt động tóm tắt của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

- GV nhận xét hoạt động tóm tắt của HS, nhận xét cách nhận xét của HS.
- GV dùng Bảng kiểm đánh giá thái độ, hành vi của học sinh nghe tóm tắt.

</td>
<td>

- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.
- Nhận xét của HS.

<table>
<tr><th>Nội dung kiểm tra</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr>
<tr><td>Bài tóm tắt thể hiện đầy đủ chính xác phần trình bày của bạn.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Ghi được ngắn gọn các thông tin chính mà người khác trình bày bằng các từ khóa, sơ đồ.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Các ý được tóm tắt rõ ràng mạch lạc.</td><td></td><td></td></tr>
</table>

</td>
</tr>
</table>

3. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP (20 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói, luyện tóm tắt nội dung.

b. Nội dung: HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, thực hành nói và nghe lại.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu: *Chiếu vi deo ngắn và cho học sinh tóm tắt nội dung bằng sơ đồ: bài phát biểu cảm nghĩ của học sinh đã được trình bày trong buổi Khai giảng năm học.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** - HS suy nghĩ, viết. - Gv quan sát, hỗ trợ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.** - Hs báo báo kết quả. - Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện.	- Tóm tắt lại bài phát biểu cảm nghĩ của học sinh đã được trình bày trong buổi Khai giảng năm học bằng sơ đồ: ngắn gọn, khoa học.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

4. HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG. (10 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói, luyện tóm tắt nội dung.

b. Nội dung: HS dựa vào góp ý của các bạn và GV rút ra những bài học kinh nghiệm về kĩ năng tóm tắt ý chính do người khác trình bày để có thể sử dụng trong cuộc sống:

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu: *Em hãy nêu ít nhất hai bài học kinh nghiệm về kĩ năng tóm tắt ý chính do người khác trình bày để có thể sử dụng trong cuộc sống.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Tâm thế tôi cần chuẩn bị là…… Để không bỏ sót ý chính do người khác trình bày, tôi cần…… Để đảm bảo bài tóm tắt thể hiện chính xác, đầy đủ thông tin, tôi cần……... Để ghi được ngắn gọn các thông tin, tôi nên……... Tôi thể hiện các ý rõ ràng, mạch lạc bằng cách…… ▲ Tại sao khi tóm tắt ý chính do người khác trình bày, ta cần đọc lại và chỉnh sửa phần ghi chép?	Những bài học kinh nghiệm về kĩ năng tóm tắt ý chính do người khác trình bày để có thể sử dụng trong cuộc sống: – Tâm thế tôi cần chuẩn bị là sự lắng nghe, tinh thần cầu thị. – Để không bỏ sót ý chính do người khác trình bày, tôi cần tập trung lắng nghe và ghi chép. – Để đảm bảo bài tóm tắt thể hiện chính xác, đầy đủ thông tin, tôi cần lắng nghe, ghi lại ngắn gọn nhưng không bỏ sót chi tiết quan trọng, ghi từ khoá. – Để ghi được ngắn gọn các thông tin, tôi nên tập viết nhanh, sử dụng hệ thống kí hiệu, viết tắt hoặc sơ đồ trình bày. – Tôi thể hiện các ý rõ ràng, mạch lạc bằng cách ghi các ý theo thứ tự hoặc vẽ sơ đồ nội dung tóm tắt. ● Việc đọc lại và chỉnh sửa phần ghi chép giúp ta đảm bảo nội dung ghi chép chính xác và đầy đủ ý chính. Thông qua quá trình đọc lại và xác nhận thông tin với những người nghe khác, ta có thể nhận ra những chỗ nghe chưa đúng hoặc những nội dung quan trọng còn thiếu sót, từ đó chỉnh sửa kịp thời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. - HS suy nghĩ, viết. - Gv quan sát, hỗ trợ. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.** - Hs báo báo kết quả. - Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	

✳ **<u>Dặn dò</u>**: (5 phút)

- Đối với bài học tiết này:

+ Nắm lại các bước tóm tắt ý chính bài văn biểu cảm do người khác trình bày (Bước 1: Lắng nghe và ghi tóm tắt. Bước 2: Đọc lại và chỉnh sửa.)

+ Nắm lại lại các yêu cầu kĩ năng tóm tắt ý chính bài văn biểu cảm do người khác trình bày.

+ Sưu tầm một bài bài phát biểu cảm nghĩ về con người, sự việc và thực hành tóm tắt.

- Đối với bài học tiết sau:

Chuẩn bị tiết "Ôn tập": Soạn bảy câu hỏi sách giáo khoa trang 95.

✳ **<u>Tài liệu tham khảo dành cho học sinh:</u>**

- Các bài phát biểu cảm nghĩ về con người, sự việc. (Nguồn internet hoặc sách "Bài văn mẫu lớp 7").

✳ **RÚT KINH NGHIỆM BÀI DẠY:**

……
……
……
……

--- Hết---

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Em hãy điền những từ thích hợp vào chỗ trống?

Tâm thế tôi cần chuẩn bị là……..
Để không bỏ sót ý chính do người khác trình bày, tôi cần…….
Để đảm bảo bài tóm tắt thể hiện chính xác, đầy đủ thông tin, tôi cần……...
Để ghi được ngắn gọn các thông tin, tôi nên……...

Tôi thể hiện các ý rõ ràng, mạch lạc bằng cách……

Tâm thế tôi cần chuẩn bị là sự lắng nghe, tinh thần cầu thị.
Để không bỏ sót ý chính do người khác trình bày, tôi cần tập trung lắng nghe và ghi chép.
Để đảm bảo bài tóm tắt thể hiện chính xác, đầy đủ thông tin, tôi cần lắng nghe, ghi lại ngắn gọn nhưng không bỏ sót chi tiết quan trọng, ghi từ khoá.
Để ghi được ngắn gọn các thông tin, tôi nên tập viết nhanh, sử dụng hệ thống kí hiệu, viết tắt hoặc sơ đồ trình bày.
Tôi thể hiện các ý rõ ràng, mạch lạc bằng cách ghi các ý theo thứ tự hoặc vẽ sơ đồ nội dung tóm tắt.

PHỤ LỤC:

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ
THÁI ĐỘ, HÀNH VI CỦA HỌC SINH KHI LÀM VIỆC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Xác định rõ ràng nhiệm vụ thảo luận	☐	☐
2	Tích cực bàn bạc để phân công nhiệm vụ	☐	☐
3	Tích cực trao đổi, chia sẻ thông tin trong nhóm	☐	☐
4	Tích cực thực hiện nhiệm vụ được phân công	☐	☐
5	Cả nhóm tích cực hoàn thành nhiệm vụ thảo luận	☐	☐

6	Nhận ra và điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân khi được GV góp ý.	☐	☐
7	Học sinh lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.	☐	☐

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ THÁI ĐỘ, HÀNH VI CỦA HỌC SINH NGHE

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Tích cực trao đổi, chia sẻ thông tin trong nhóm	☐	☐
2	Tích cực thực hiện nhiệm vụ được phân công	☐	☐
3	Cả nhóm tích cực hoàn thành nhiệm vụ thảo luận	☐	☐
4	Nhận ra và điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân khi được GV góp ý.	☐	☐
5	Học sinh lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.	☐	☐

Tuần:
Tiết 48
Ngày dạy:

ÔN TẬP – BÀI 4: QUÀ TẶNG CỦA THIÊN NHIÊN
(1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.
- Hệ thống các kiến thức đã học về một số nét độc đáo của các văn bản.
- HS nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gởi đến người đọc; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Hệ thống lại kiến thức về chủ đề "Quà tặng của thiên nhiên"
- Biết tóm tắt ý chính do người khác trình bày.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái: Yêu quý trân trọng và bảo vệ thiên nhiên.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.

3. Về năng lực:

3.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

3.2. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Nắm bắt nội dung các văn bản đã học.

- Năng lực văn học:

+ Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn.

+ Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

+ Nhận biết được sự mạch lạc của văn bản, nhận biết ngôn ngữ của các vùng miền; hiểu và trân trọng sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

+ Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản biểu cảm về con người sự việc.

+ Tóm tắt được ý chính do người khác trình bày.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Chuẩn bị của giáo viên: Đọc kĩ SGK, SGV, máy chiếu, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc, tìm hiểu bài: Ôn tập (SGK – 95). Trả lời các phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠYHỌC:

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS kết nối với kiến thức đã học, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi và củng cố bài học.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức trò chơi: "***Ai nhanh hơn***" cho hai đội; yêu cầu HS nhắc lại những nội dung và kiến thức đã được học trong bài 4.

1/ Tác giả của văn bản "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát" là ai?

A. Vũ Bằng C. Đỗ Trọng Khơi.

B. Y Phương D. Nguyễn Ngọc Tư

2. Chủ đề của văn bản "Cốm Vòng" là gì?

A. Nói về Cốm làng Vòng -Một thức quà của lúa non, đặc biệt nhất trong lòng Hà Nội.

B. Hạt dẻ Trùng Khánh vào mùa thu dưới cái nhìn đầy tự hào của người con nơi quê hương mình.

C. Những kỉ niệm tuổi thơ ùa về về "mùa phơi sân trước"

3. Xác định thể loại của văn bản "Thu sang".

A. Thơ lục bát C.Thơ năm chữ

B. Thơ bốn chữ D. Thơ bảy chữ

4.Trong nhưng từ ngữ sau, từ nào là từ địa phương?

A. Chè xanh C. Bát đĩa

B. Ba má D. Ngô khoai

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, chia sẻ ý kiến.
- Đội nào trả lời nhanh và đầy đủ nhất sẽ được điểm thưởng.
- Sau khi HS trả lời xong GV tái hiện và dẫn dắt vào tiết Ôn tập để giúp HS củng cố kiến thức.

2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (27 phút)

1. Tóm tắt các đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút mà em đã học.

a. Mục tiêu: Củng cố kiến thức về đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút đã học.

b. Nội dung: HS xem lại nội dung bài học và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ. ? Hãy tóm tắt các đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút mà em đã học. **B2: Thực hiện nhiệm vụ.** **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên các đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút đã học. **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** - **GV**: - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm… - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn. **HS**: - Trả lời câu hỏi.	Các đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút: - Chất trữ tình trong thể loại tản văn, tùy bút: yếu tố được tạo từ vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ của tác giả trước hiện tượng và vấn đề của đời sống. - Cái tôi trong tản văn, tùy bút: yếu tố thể hiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản và các từ nhân xưng ngôi thứ nhất. - Ngôn ngữ tản văn, tùy bút: tinh tế, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình.

- Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn. **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.** - Nhận xét thái độ làm việc của HS. - Đánh giá sản phẩm của HS. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. **d) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.	

2. Ôn lại các văn bản đã học.

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận biết được chủ đề, dấu hiệu nhận biết cái tôi và tình cảm, cảm xúc của người viết .

- Hiểu được tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức cho HS hoạt động nhóm.

- HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Sản phẩm dự kiến</th></tr>
<tr><td>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ. (GV)
- Phát phiếu học tập số 1.
- Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:
? Đọc lại các văn bản trong bài và điền vào phiếu học tập.
Phiếu học tập số 1
<table>
<tr><td>Văn bản</td><td>Chủ đề</td><td>Dấu hiệu nhận biết cái tôi của</td><td>Tình cảm, cảm xúc của người</td></tr>
</table>
</td><td>
<table>
<tr><td>Văn bản</td><td>Chủ đề</td><td>Dấu hiệu nhận biết cái tôi của người viết</td><td>Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản</td></tr>
<tr><td>Cốm Vòng</td><td>Nói về Cốm làng Vòng - Một thức quà của</td><td>Sử dụng ngôi thứ nhất làm nhân xưng</td><td>- Ăn miếng cốm cho ra miếng cốm; tỏ ra một chút gì thanh lịch, cao quý; tiếc</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

		người viết	viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản
Cốm Vòng			
Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát			
Mùa phơi sân trước			

B2: Thực hiện nhiệm vụ.

HS:

- Làm việc cá nhân 2.' (đọc SGK, tìm chi tiết)
- Làm việc nhóm 3'. (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).
- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

GV: Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm và hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận.

GV:

	lúa non, đặc biệt nhất trong lòng Hà Nội.		từng hạt rơi, hạt vãi; ăn từng chút một; nhón từng chút một; nhai nhỏ nhẹ; ngẫm nghĩ tính chất thơm, tính chất ngọt của cốm; ăn một miếng cốm vào miệng là nuốt hương thơm của cánh đồng quê. - Một ngày đầu tháng Tám, ...quê hương làm cho ta nhẹ nhõm và đôi khi...phơi phới. - Ta vừa nhau nhỏ nhẹ, ... ta sẽ thấy rằng ăn một miếng cốm vào miệng là ta nuốt cả hương thơm của những cánh đồng quê của ông cha ta vào lòng.
Mùa thu về	Hạt dẻ Trùng	Sử dụng ngôi thứ	- Trên khắp đất nước

- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá. - Hướng dẫn HS trình bày. **HS:** - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình. - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. - GV: Chiếu video, liên hệ mở rộng kiến thức. =>***GDĐĐ***: Giáo dục lòng yêu quý, trân trọng và bảo vệ thiên nhiên.	Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát	Khánh vào mùa thu dưới cái nhìn đầy tự hào của người con nơi quê hương mình.	nhất làm nhân xưng	ta, không đâu có giống mác lịch ngon ngọt và thơm bùi như ở Trùng Khánh. - Cái đó thì ...vưỡn. - Cốm trộn hạt dẻ là một thứ vật quý, dùng để khoản đãi quý nhân. - Hạt dẻ rơi rơi như mưa màu nâu. Đó là bản nhạc mùa thu ở quê tôi không thể nào quên. - Đó là điểm du lịch mang màu sắc, hương vị của tình yêu
	Mùa phơi sân trước	Những kỉ niệm tuổi thơ ùa về về "mùa phơi sân trước"	Sử dụng ngôi thứ nhất làm nhân xưng	- Chuối phơi đủ nắng có thể ăn tới ra Giêng, mật lặn vào trong vừa ăn vừa tợp miếng trà, hoặc ngào qua với khóm, me,...đem dầm nước đá uống cũng

				ngon thấu trời. - Vậy là nước miếng mình ứa ra, trên từng mét đường về nhà ngoại. - Tâm hồn mệt nhoài với những món ăn cực kì mời gọi trong sân thiên hạ....

3. Cảm nhận về cái tôi của người viết trong văn bản "Cốm Vòng" và "Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát" .

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận biết được "cái tôi" của tác giả.
- Hiểu được cái tôi của người viết được thể hiện trong văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân cho HS.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung. (nếu cần)

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên và học sinh</th><th>Sản phẩm dự kiến</th></tr>
<tr><td>
B1: Chuyển giao nhiệm vụ. (GV)
- Phát phiếu học tập số 2.
- Giao nhiệm vụ:
? Đọc lại các văn bản trong bài và điền vào phiếu học tập.
Phiếu học tập số 2
<table>
<tr><th>Văn bản</th><th>Cảm nhận cái tôi</th></tr>
</table>
</td><td>
<table>
<tr><th>Văn bản</th><th>Cảm nhận cái "tôi" của người viết</th></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

	của người viết
Cốm Vòng	
Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát	

B2: Thực hiện nhiệm vụ.

HS:

- Làm việc cá nhân 3.' (đọc SGK, tìm hiểu về "cái tôi" của người viết).
- Báo cáo kết quả cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho phần trình bày của bạn.

GV: Hướng theo dõi, quan sát và hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận.

GV:

- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Báo cáo sản phẩm của bản thân.
- Theo dõi, nhận xét và bổ sung cho phần trình bày của bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.
- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.

Cốm Vòng	-Cái tôi của tác giả Vũ Bằng tinh tế, sâu sắc, có chiều sâu về văn hóa.
Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát	- Cái tôi của tác giả Y Phương mộc mạc, chân chất; đồng thời lại rất giàu kinh nghiệm sống và tính triết lí về nhân sinh.

3. Hướng dẫn HS ôn tập các nội dung còn lại.

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận biết được những điều cần lưu ý khi viết bài văn biểu cảm về sự việc và tóm tắt ý chính do người khác trình bày.

- Hiểu được ý nghĩa sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân cho HS.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung. (nếu cần)

c. Sản phẩm học tập: Kết quả bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
** Câu 4: ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*** + GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ. - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nhóm đôi. HS trình bày sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền có ý nghĩa như thế nào? Nêu một vài ví dụ thể hiện sự khác biệt ấy. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ. ***Bước 3: Báo cáo kết quả .*** - HS báo cáo kết quả - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. ***B4: Kết luận, nhận định (GV)*** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	**<u>Câu 4</u>:** - Sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc lưu giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Nó tạo nên sự phong phú, đa dạng khi người dùng sử dụng. Đồng thời, việc khác biệt đó cũng thể hiện rõ văn hóa đặc trưng giữa các miền trong cùng một đất nước. - Một vài ví dụ thể hiện sử khác biệt ấy: + Miền Bắc gọi là "ngõ", miền Trung gọi là "kiệt", miền Nam gọi là "hẻm" + quả dứa: Miền Bắc (quả dứa); miền Trung (trái gai); miền Nam (trái thơm, khóm). + bố mẹ: Miền Bắc (bố -mẹ, thầy-u); miền Trung (bọ- mạ); miền Nam (tía- má). + ngõ: Miền Bắc gọi là "ngõ", miền Trung gọi là "kiệt", miền Nam gọi là "hẻm"
** Câu 5 ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*** - GV yêu cầu từng cá nhân viết vào vở những suy nghĩ của mình về những điều em cần lưu ý khi viết bài văn biểu cảm về sự	**<u>Câu 5</u>:** - Khi viết bài văn biểu cảm về sự việc, em cần lưu ý những điều sau: + Giới thiệu cảm xúc của mình khi viết về một sự việc.

việc và tóm tắt ý chính do người khác trình bày. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ. ***Bước 3: Báo cáo kết quả .*** - GV gọi 2-3 HS trình bày sản phẩn cá nhân. - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. ***B4: Kết luận, nhận định (GV)*** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	+ Bộc lộ tình cảm trong bài văn, kết hợp với các yếu tố hỗ trợ như miêu tả, tự sự để lí giải cảm xúc đó. + Khẳng định được tình cảm, cảm xúc về sự việc đó trong bài. + Rút ra điều đáng nhớ nhất đối với bản thân. - Khi tóm tắt ý chính do người khác trình bày, em cần lưu ý những điều sau: + Bài tóm tắt phải đảm bảo đầy đủ, chính xác về nội dung. + Ghi ngắn gọn các thông tin chính mà người khác trình bày bằng các từ khóa, sơ đồ,... + Các ý chính trong bài cần được tóm tắt rõ ràng, mạch lạc.

3. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học và ý nghĩa của thiên nhiên đối với cuộc sống của con người.

b) Nội dung:

- GV ra bài tập.
- HS làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập 7)

Từ những gì đã học trong bài học này, em hãy trả lời câu hỏi: quà tặng của thiên nhiên có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ ý kiến của mình.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm.
- HS đứng tại chỗ để trình bày. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Gợi ý trả lời:

Đời sống của con người nói luôn gắn liền với thiên nhiên. Đối với cuộc sống của con người, thiên nhiên như là quà tặng bởi nó chính là nơi cung cấp các nguồn tài nguyên để phục vụ cho cuộc sống và sản xuất sinh hoạt của con người. Bởi vật, thiên nhiên có vai trò rất quan trọng đối với tất cả con người cũng như tất cả những sinh vật sống trên trái đất. Và nếu chúng ta biết khai thác, sử dụng hợp lí cũng như bảo tồn, gìn giữ thiên nhiên thì nó sẽ trở thành một trong những tài sản quý giá nhất của con người chúng ta.

4. HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG (5 phút)

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về những món quà mà thiên nhiên ban tặng cho em mỗi ngày.

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác và nêu lên những việc làm cụ thể của bản thân có thể làm để giúp thiên nhiên tươi đẹp.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập và vận dụng kiến thức bài học đưa ra việc làm cho bản thân.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS.

Ghi lại những món quà mà thiên nhiên ban tặng cho em mỗi ngày và những việc em có thể làm để giúp thiên nhiên tươi đẹp hơn (làm vào vở).

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.
- GV hướng dẫn HS cách làm.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.
- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày
- HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Gợi ý trả lời:

Quà tặng từ thiên nhiên	**Việc em có thể làm để thiên nhiên tươi đẹp hơn**
Cây và hoa	Bón phân, tỉa cành, tưới nước hằng ngày
Các loài động vật	Không săn bắt,giết hại
Bãi biển đẹp	Không xả rác, tham gia các hoạt động tình nguyện dọn rác ngoài bờ biển
Nguồn nước sạch	Không đổ dầu ăn trực tiếp vào bồn rửa chén, không sử dụng thuốc trừ sâu

Không khí trong lành	Trồng cây xanh, hạn chế các hoạt động đốt cháy, sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng

✳ **Dặn dò: (3 phút)**

– Đối với bài học tiết này:

+ Đọc lại bài, nắm kĩ các nội dung đã ôn và các bài tập đã làm.

– Đối với bài học tiết sau:

+ Đọc và tìm hiểu bài: "**Từng bước hoàn thiện bản thân**" . Tìm hiểu văn bản"***Chúng ta có thể đọc nhanh hơn***". Tâp trả lời các câu hỏi trong phần suy ngẫm và phản hồi- SGK trang 101.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO DÀNH CHO HỌC SINH:

V. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

TỔ TRƯỞNG **GIÁO VIÊN**

Trương Thị Kim Hằng **Trương Thị Kim Hằng**

DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG **GIÁO VIÊN**

Trương Thị Kim Hằng

Phan Thị Kim Chi

Trương Thị Kim Hằng